

Bản án số **33/2021/HNGĐ-ST**
Ngày 10 tháng 8 năm 2021
V/v: Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Văn Tân

Ông Phạm Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh – Thư ký Tòa án

Ngày 10 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2021/TLST-DS về việc: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXX-ST ngày 20 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Duy H**, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Khu 17, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

+ Bị đơn: Chị **Trương Thuý K**, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn là anh Nguyễn Duy H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Anh và chị Trương Thuý K tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Y (nay là xã H) huyện T, tỉnh Phú Thọ ngày 30/10/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình bố mẹ đẻ anh.

Mâu thuẫn phát sinh từ ngày 14/12/2019 chị Trương Thuý K về quê ở ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang sau đó không trở lại nữa. Từ đó đến nay vợ chồng không liên lạc và chị K cũng không hỏi thăm con chung cũng như gia đình nhà chồng. Nay xét thấy tình cảm không còn nên anh xin được li hôn.

Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hải Đ, sinh 11/8/2009 hiện đang ở với anh, khi li hôn anh xin được nuôi con chung, không yêu cầu chị cấp dưỡng.

Về tài sản: Không đề nghị giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là chị Trương Thuý K đã được triệu tập, thông báo nhiều lần nhưng do điều kiện ở xa đi lại khó khăn và dịch bệnh nên có văn bản trình bày gửi đến Tòa án, nội dung như sau:

“Tôi đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án, tôi xin tự trình bày toàn bộ những nội dung liên quan và ý kiến, quan điểm của tôi trong vụ án như sau:

Về tình cảm vợ chồng: Tôi và anh Nguyễn Duy H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 30/10/2008 tại UBND xã Yên Khê, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ (nay là xã Hanh Cù, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ). Quá trình chung sống với nhau do vợ chồng không hòa hợp dẫn đến xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện nay tôi đi làm ăn xa

nên tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn. Chúng tôi không thể về chung sống với nhau được nữa nên tôi đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh H. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi được ly hôn.

Về con chung: Tôi và anh H đã có với nhau 01 con chung là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 11/8/2009. Hiện cháu đang ở cùng anh H. Nếu vợ chồng ly hôn, tôi đồng ý để anh H trực tiếp nuôi con và tôi không phải cấp dưỡng. Nếu anh H không có điều kiện nuôi thì giao cho tôi nuôi, tôi được quyền thăm nom con bất kỳ lúc nào.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, đất nông nghiệp: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay, tôi vẫn có hộ khẩu thường trú tại Khu 17, xã Hanh Cù, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ nhưng hiện nay tôi đang sinh sống ở nhà cha mẹ ruột, bố tôi là Trương Văn C, sinh 1958, mẹ tôi là Trần Thị S, sinh 1962 cư ngụ tại ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Tôi đã nhận được tất cả các văn bản của Tòa án gửi theo quy định pháp luật là Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp... Nhưng do công việc bận, mặt khác, do dịch bệnh không tiện đi lại nên tôi xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc của Tòa án, tại phiên hòa giải và phiên tòa. Đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt tôi.

Tôi giữ nguyên quan điểm trình bày như ở trên và không có ý kiến hay yêu cầu gì khác”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là đã được triệu tập, thông báo nhưng không đến Tòa án làm việc được, cho nên Tòa án không tiến hành hòa giải giữa hai bên đương sự được, đồng thời nguyên đơn và bị đơn từ chối hoà giải, vì vậy Tòa án không thực hiện việc hoà giải theo khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Chị Trương Thuý K đề nghị xử xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227 BLTTDS

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Duy H và chị Trương Thuý K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn, do vậy là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn cho rằng nguyên nhân dẫn đến hôn do bị đơn về quê ở Ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang sau đó không trở lại nữa. Từ đó đến nay vợ chồng không liên lạc và chị K cũng không hỏi thăm con chung cũng như gia đình nhà chồng. Như vậy xác định chị Trương Thuý K không còn tình cảm với anh Nguyễn Duy H, đồng thời hai bên đều không chủ động hàn gắn tình cảm nên xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là chính đáng, có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Nguyên đơn xin ly hôn, bị đơn đồng ý ly hôn nên Tòa án công nhận thoả thuận về thuận tình ly hôn của đương sự.

[3] Về con chung: Cháu Nguyễn Hải Đ, sinh 11/8/2009 hiện đang ở với anh H phù hợp với nguyện vọng của cháu được ở với bố nên Tòa án quyết định theo nguyện vọng. Anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không quyết định.

[4] Về tài sản: Hai bên đương sự không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Yêu cầu được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 55 các Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Duy H và chị Trương Thuý K.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hải Đ, sinh 11/8/2009 cho anh Nguyễn Duy H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

Chị Trương Thuý K không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Nguyễn Duy H không yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Duy H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ theo biên lai thu số: AA/2020/0001718 ngày 29 tháng 4 năm 2021

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành dân sự;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quang Vũ